

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án “Phát triển kinh tế - xã hội vùng đầm phá Tam Giang - Cầu Hai, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020”

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế và Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Phát triển kinh tế - xã hội vùng đầm phá Tam Giang - Cầu Hai, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020” với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Phát huy lợi thế, khai thác có hiệu quả bằng việc thu hút các nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đầu tư phát triển, sớm đưa vùng đầm phá Tam Giang - Cầu Hai trở thành một trong những khu vực kinh tế ven biển mạnh của cả nước.

2. Phát triển vùng đầm phá Tam Giang - Cầu Hai phải bảo đảm nguyên tắc phù hợp với Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thừa Thiên Huế và khu vực ven biển miền Trung đến năm 2020.

3. Phát triển kinh tế - xã hội vùng đầm phá Tam Giang - Cầu Hai phải tuân thủ bảo đảm đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững về kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường và tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh.

4. Gắn tăng trưởng kinh tế với xoá đói giảm nghèo, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; nâng cao trình độ dân trí, coi trọng phát triển nguồn nhân lực.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tranh thủ mọi nguồn lực để tập trung phát triển đưa đầm phá Tam Giang - Cầu Hai đến năm 2020 trở thành vùng có điều kiện phát triển kinh tế khá của Tỉnh. Lấy du lịch làm ngành kinh tế chủ lực gắn với phát triển nông nghiệp bền vững để đến năm 2020 tạo sự thay đổi đáng kể cho vùng đầm phá Tam Giang - Cầu Hai, đưa Vùng này trở thành một trong những khu vực có kinh tế ven biển phát triển mạnh của cả nước.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu kinh tế:

- Tập trung phát triển mạnh các ngành kinh tế có tiềm năng, tạo sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng du lịch - thủy sản - tiểu thủ công nghiệp - nông nghiệp sinh thái. Phần đầu đến năm 2020, thu nhập bình quân đầu người bằng 90% mức bình quân chung của Tỉnh;

- Xây dựng đầm phá Tam Giang - Cầu Hai trở thành vùng du lịch sinh thái góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế du lịch của Tỉnh.

b) Mục tiêu xã hội:

Phần đầu đến năm 2015 hoàn thành cơ bản phổ cập giáo dục bậc trung học; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 50%; trên 90% số trạm y tế, trường học đạt chuẩn quốc gia; cơ bản hoàn thành định cư dân thủy điện. Đến năm 2020, phần đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 5%, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi còn dưới 15%; 90% số hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh.

c) Mục tiêu về môi trường:

- Bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học vùng đầm phá; giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước mặt;

- Bảo tồn và phát triển dải rừng sinh thái ven biển ngập mặn; nâng độ che phủ rừng đạt tỷ lệ trên 30%;

- Các khu đô thị, các cụm công nghiệp và làng nghề trong Vùng được xử lý nước thải, thu gom và xử lý chất thải rắn đạt tiêu chuẩn theo quy định trước khi thải ra môi trường;

- Phòng, tránh và hạn chế đến mức thấp nhất ô nhiễm môi trường, thiệt hại do bão, lụt gây ra.

III. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Về phát triển kinh tế

a) Phát triển du lịch thành ngành kinh tế chủ lực trên cơ sở phát huy cao nhất các lợi thế của vùng đầm phá và ven biển, kết nối với du lịch Cố đô Huế để phát triển tổng hợp du lịch sinh thái, văn hoá, du lịch biển; tạo ra các sản phẩm du lịch và dịch vụ có chất lượng cao như hình thành các khu du lịch nghỉ dưỡng, du lịch chữa bệnh, các trung tâm du lịch thể thao; kết nối các khu bảo tồn, làng nghề hình thành tuyến du lịch biển và đầm phá;

b) Sắp xếp, bố trí lại sản xuất ngành thủy sản theo hướng ổn định và giảm dần khai thác ven bờ; không ngừng hiện đại hoá phương tiện đánh bắt, nuôi trồng, chế biến nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, chuyển dịch dần lao động sang ngành du lịch và dịch vụ du lịch, bảo đảm phát triển bền vững. Lập quy hoạch chi tiết vùng bảo tồn các loài thủy sinh quý hiếm và đa dạng sinh học;

c) Xây dựng nền sản xuất nông nghiệp sinh thái hiệu quả, bền vững, phù hợp với đặc thù của vùng đầm phá. Sắp xếp, tổ chức lại sản xuất theo hướng tập trung chuyên canh, sản xuất hàng hóa, khai thác hợp lý lợi thế của Vùng;

d) Hình thành các điểm công nghiệp cơ khí sửa chữa tàu, thuyền, chế biến nông, lâm, thủy sản tập trung gắn với bảo vệ môi trường. Khôi phục và phát triển ngành tiểu thủ công nghiệp và làng nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch. Xây dựng và phát triển thương hiệu một số sản phẩm truyền thống của các làng nghề;

đ) Đầu tư kết cấu hạ tầng, phục vụ tốt nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Về phát triển xã hội

a) Hoàn thành công tác định cư dân thủy diện gắn với tổ chức lại sản xuất theo quy hoạch, sắp xếp lại các điểm dân cư. Ổn định sản xuất và đời sống, bảo đảm an sinh xã hội cho người dân thủy diện và vùng sạt lở;

b) Nâng cao trình độ dân trí của các xã vùng ven biển, đầm phá; hỗ trợ dạy nghề cho người nghèo, người trong độ tuổi lao động để đáp ứng nhu cầu lao động tại chỗ và xuất khẩu lao động;

c) Hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất giáo dục, y tế tuyến cơ sở. Thực hiện tốt chủ trương xã hội hóa trên các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa, thể dục thể thao, tạo chuyển biến cơ bản trong mọi hoạt động của đời sống xã hội.

3. Về bảo vệ môi trường và phòng tránh thiên tai

a) Ứng dụng công nghệ sinh học trong việc bảo tồn nguồn gen thủy sản đầm phá và bảo vệ các bãi giống, bãi sinh sản tự nhiên. Xây dựng khu bảo tồn, bảo tàng thiên nhiên vùng đầm phá, đất ngập nước;

b) Phát triển dải rừng sinh thái ven biển ngập mặn cửa sông Ô Lâu (Phong Điền), Rú Chá (Hương Trà), cửa sông Bù Lù (Phú Lộc);

c) Hoàn thành các dự án: xử lý khẩn cấp chống sạt lở bờ biển Hải Dương và chỉnh trị luồng cảng Thuận An, chống sạt lở bờ biển Phú Thuận, ổn định cửa biển Tư Hiền; chống xói lở bờ sông Hương, sông Bồ, sông Truôi, Cầu Hai, Bù Lu, xử lý bồi lắng cửa sông, cửa biển, hệ đầm phá Tam Giang - Cầu Hai;

d) Đầu tư phát triển mạng lưới quan trắc khí hậu, môi trường, hệ thống dự báo thủy văn phục vụ cho phát triển sản xuất, phòng tránh thiên tai và bảo đảm quản lý tốt vùng biển, ven biển của Tỉnh;

đ) Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý rác thải, các công trình xử lý nước thải công nghiệp, đô thị, khu du lịch, thực hiện đánh giá tác động môi trường và triển khai giám sát các dự án khi đi vào hoạt động;

e) Nghiên cứu, theo dõi, đánh giá và chủ động ngăn chặn, phòng tránh tác động bất lợi do tác động của hệ thống hồ chứa đầu nguồn đến nguồn lợi thủy sản và hệ sinh thái vùng đầm phá để bảo đảm phát triển bền vững.

4. Phát triển hệ thống đô thị, điểm dân cư nông thôn

a) Thúc đẩy quá trình đô thị hóa vùng đầm phá Tam Giang - Cầu Hai;

b) Xây dựng thị xã Thuận An, Hương Trà, thành phố Chân Mây - Lăng Cô; các thị trấn trung tâm tiểu vùng Thanh Hà, Vinh Thanh, Vinh Hưng; các điểm đô thị ở Điền Hương - Điền Lộc - Quảng Ngạn - Vinh Hà - Lộc Bình - Vinh Hiền;

c) Đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng các làng cá để sớm trở thành các đô thị nghề cá. Lập dự án bảo tồn, tôn tạo và phát huy các làng cổ, làng nghề truyền thống: Phước Tích, Mỹ Xuyên, Thanh Tiên, Bao La.

5. Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

a) Giai đoạn 2010 - 2015, ưu tiên các dự án sau

- Hệ thống giao thông:

+ Xây mới cầu kết hợp nâng cấp đập ngăn mặn Cửa Lác; nâng cấp, xây mới đường Tây phá Tam Giang - Cầu Hai từ Phong Bình (Phong Điền) - Vinh Hà (Phú Vang); nâng cấp, mở rộng quốc lộ 49B từ Phong Điền - Hải Dương - cầu Ca Cút - Thuận An - Vinh Hiền - Lộc Bình - Quốc lộ 1A; xây mới đường ven biển Tư Hiền - Cù Dù; xây dựng mới cầu Hà Trung;

+ Nâng cấp, xây mới các tuyến đường ngang nối đường Tây phá - quốc lộ 49B, tuyến đường ngang nối đường Tây phá - Quốc lộ 1A, hệ thống giao thông rẽ nhánh đến các xã ven đầm phá; xây mới các bến thuyền, cảng du lịch nội đầm phá, ven biển.

- Hệ thống thủy lợi:

+ Xây mới hồ Thủy Yên - Thủy Cam;

+ Hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi vùng Ninh, Hòa, Đại; nâng cấp các hồ, đập, trạm bơm cho vùng cát; mở rộng hệ thống cấp nước sản xuất Quảng Công - Quảng Ngạn. Kiên cố hóa hệ thống kênh mương; nâng cấp đê biển, đê Đông, Tây phá, đê sông Đại Giang - Thiệu Hóa và đê bao đồng, nội đồng.

+ Nạo vét các trục tiêu hạ du sông Hương, sông Ô Lâu, các sông nhánh hạ lưu của sông Bồ: trục tiêu Diên Hồng - Hà Đò, Ngã Tư - An Xuân - Quán Cửa; nâng cấp các cống tiêu vùng.

- Hệ thống nước sinh hoạt:

+ Nâng công suất nhà máy nước thành phố Huế, Tứ Hạ, Hòa Bình Chương; xây mới nhà máy nước hồ Truồi;

+ Hoàn thành hệ thống cấp nước sinh hoạt vùng ven biển, đầm phá.

- Phát triển hạ tầng xã hội:

+ Hoàn thành hạ tầng thiết yếu ở các khu tái định cư; kiên cố hóa các trường mầm non, trường phổ thông hướng tới đạt chuẩn quốc gia, hoàn thành việc xây dựng các trung tâm dạy nghề ở các huyện, bảo đảm mỗi huyện có một trường dạy nghề;

+ Xây dựng phòng khám đa khoa Vinh Giang, Điền Hải, Thuận An; kiên cố và tăng hoá các trạm y tế xã, đầu tư trang thiết bị đồng bộ theo chuẩn Quốc gia. Xây mới bệnh viện cấp vùng ở phía Nam đầm phá;

+ Xây dựng trung tâm văn hóa du lịch đầm phá cấp vùng tại Thuận An.

b) Giai đoạn 2016 - 2020

- Hệ thống giao thông:

+ Xây mới đường ven đầm Cầu Hai phía Tây từ Mũi Né - Lộc Bình; đường tránh lũ Phong Thu - thị trấn Sja;

+ Hoàn thành các tuyến đường ngang nối các khu kinh tế, khu du lịch, cụm dân cư với hệ thống quốc lộ và đường liên kết Vùng theo trục dọc;

+ Xây dựng mới cầu Vĩnh Tu, hồ chứa Ô Lâu.

- Hệ thống thủy lợi:

+ Hoàn thành đê bao vùng, đê nội đồng; hệ thống thủy lợi vùng An, Sơn, Bồn; Đa, Hà, Thái;

+ Tiếp tục nạo vét các nhánh sông chính.

- Hạ tầng xã hội:

+ Xây dựng nhà máy cấp nước Thủy Yên - Thủy Cam;

+ Xây dựng mới 02 trường phổ thông trung học và 01 trường đào tạo nghề cấp vùng.

c) Quốc phòng, an ninh

- Bố trí thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân tạo thành hệ thống phòng thủ vững chắc ven biển và trên biển;

- Xây dựng các tuyến đường kinh tế - quốc phòng, các công trình phòng thủ, khu hậu cứ, đảm bảo tính cơ động, sẵn sàng chiến đấu, chủ động đối phó với mọi tình huống; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ven biển và trên biển.

d) Danh mục các chương trình trọng điểm

- Chương trình xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng;

- Chương trình tái định cư dân thủy diện và phát triển sinh kế;

- Chương trình bảo vệ môi trường và bảo tồn gen

- Chương trình phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai;

- Chương trình phát triển du lịch;

- Chương trình phát triển thủy sản;
- Chương trình phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

đ) Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư

(Phụ lục kèm theo).

IV. DỰ KIẾN NGUỒN VỐN VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Về nguồn vốn thực hiện Đề án: thực hiện đa dạng hoá các nguồn vốn đầu tư để sớm đạt được mục tiêu đề ra gồm ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu; ngân sách địa phương; vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác; vốn từ các thành phần kinh tế khác.

2. Thời gian thực hiện Đề án từ năm 2010 - 2020.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Giải pháp huy động vốn

a) Ưu tiên nguồn vốn từ ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật nhằm tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội. Việc sử dụng vốn đầu tư phải đảm bảo phát huy cao nhất hiệu quả các công trình trọng điểm về thủy lợi, giao thông, điện, nước và xoá đói, giảm nghèo;

b) Đẩy mạnh xã hội hoá trên các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hoá - thể thao, hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp và môi trường để thu hút vốn đầu tư;

c) Chủ động xúc tiến kêu gọi đầu tư, thực hiện đa dạng hoá các hình thức huy động vốn; ưu tiên thu hút vốn đầu tư nước ngoài để tranh thủ công nghệ hiện đại, kỹ năng quản lý tiên tiến, mở rộng khả năng tiếp cận thị trường vốn của khu vực và thế giới;

d) Tuyên truyền, vận động, kêu gọi, khuyến khích cộng đồng người địa phương đang sinh sống ở nước ngoài và các địa phương trong cả nước về đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, góp phần xây dựng quê hương.

2. Giải pháp đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

a) Đẩy mạnh đào tạo nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ, công chức trong Vùng; kiện toàn bộ máy và nâng cao năng lực các cơ quan chuyên môn đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính;

b) Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp đào tạo để nâng cao chất lượng nguồn lao động. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết giữa các cơ sở đào tạo, cơ quan tư vấn, các doanh nghiệp để đào tạo và sử dụng nguồn lao động trong Vùng.

3. Giải pháp về khoa học - công nghệ

a) Đẩy mạnh ứng dụng và có các cơ chế, chính sách khuyến khích chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hoá, nhất là sản phẩm nông nghiệp, thủy, hải sản;

b) Tăng cường công tác khuyến nông, khuyến ngư để giúp người dân sớm chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, thủy sản có năng suất cao.

4. Giải pháp thị trường

a) Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, xây dựng những sản phẩm hàng hoá có thương hiệu trên thị trường;

b) Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ về công nghệ sản xuất, thông tin môi trường đầu tư để nhanh chóng tiếp cận với thị trường khu vực và thế giới.

5. Giải pháp về bảo vệ môi trường

a) Ưu tiên đầu tư các công trình xử lý xử lý nước thải công nghiệp, đô thị, làng nghề, khu du lịch để chống ô nhiễm môi trường;

b) Đầu tư bảo tồn và phát triển các dải rừng sinh thái ven biển ngập mặn nhằm tạo cảnh quan môi trường, bảo vệ nguồn lợi biển, ven biển và phòng hộ. Phát triển các dải cây xanh gắn với các điểm dân cư nhằm cải thiện môi trường sống;

c) Có quy chế tổ chức và cụ thể hoá chương trình bảo vệ môi trường đối với từng địa phương và có hướng dẫn cụ thể để toàn thể nhân dân tham gia bảo vệ môi trường; khuyến khích các doanh nghiệp mua bảo hiểm môi trường;

d) Thực hiện nghiêm túc pháp luật bảo vệ môi trường; các chương trình bảo vệ tài nguyên vùng đầm phá; xây dựng hệ thống quan trắc môi trường, hệ thống xử lý rác, bãi chôn lấp rác theo tiêu chuẩn chung; xây dựng Quy chế quản lý chất thải, quản lý ô nhiễm;

đ) Tăng cường cán bộ có đủ trình độ am hiểu các vấn đề môi trường để thực hiện tốt công tác quản lý, phát hiện và xử lý các vấn đề môi trường.

Điều 2. Về áp dụng một số cơ chế, chính sách cho vùng đầm phá Tam Giang - Cầu Hai

1. Hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn ngân sách trung ương bắt đầu từ năm 2010 để bố trí cho tỉnh Thừa Thiên Huế thực hiện Đề án. Ưu tiên đầu tư cho các dự án kết cấu hạ tầng quan trọng về giao thông, thủy lợi, cấp nước sinh hoạt, xoá đói, giảm nghèo phòng tránh thiên tai, bảo vệ môi trường.

2. Các dự án đầu tư vào vùng đầm phá Tam Giang - Cầu Hai được hưởng các cơ chế, chính sách ưu đãi ở mức cao áp dụng đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định của Luật Đầu tư và pháp luật liên quan.

3. Các dự án đầu tư trên địa bàn vùng đầm phá Tam Giang - Cầu Hai thuộc các lĩnh vực sau đây được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong thời gian 30 năm đối với các dự án:

- Dự án đầu tư năng lượng mặt trời, năng lượng gió;
- Dự án bảo tồn phát triển giեն sinh vật thủy, hải sản.

4. Các doanh nghiệp trong nước thuộc các thành phần kinh tế có dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh tại vùng đầm phá Tam Giang - Cầu Hai thuộc đối tượng được hưởng các loại hình tín dụng ưu đãi theo quy định hiện hành về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế:

- Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm toàn diện về hiệu quả của Đề án; đồng thời, phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành liên quan trong việc triển khai, thực hiện;

- Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án “Phát triển kinh tế - xã hội vùng đầm phá Tam Giang - Cầu Hai đến năm 2020”;

- Chỉ đạo thực hiện lồng ghép các nguồn vốn, các chương trình dự án trên địa bàn để thực hiện Đề án; đồng thời, tổ chức xúc tiến đầu tư kêu gọi các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài tham gia thực hiện Đề án;

- Theo dõi, kiểm tra, giám sát, tổng hợp tình hình và định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện Đề án.

2. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính bố trí nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu trong kế hoạch hàng năm để thực hiện Đề án.

3. Các Bộ, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp với tỉnh Thừa Thiên Huế thực hiện có hiệu quả các nội dung của Đề án; đồng thời thực hiện việc lồng ghép các chương trình, dự án liên quan của Bộ, ngành mình trong vùng Đề án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, ĐP (5b). **xh 98**

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng



Phụ lục
ĐĂNG MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2010 - 2015,
TÀM NHÌN ĐẾN NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1955/QĐ-TTg
ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ)

PHẦN I. NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	
I	Giao thông
1	Cầu và đập ngăn mặn Cửa Lác (nối quốc lộ 49B - đường Tây phá)
2	Đường và cầu Hà Trung (nối quốc lộ 49B - đường Tây phá)
3	Nâng cấp, mở rộng quốc lộ 49B từ Phong Hòa - Hải Dương - cầu Ca Cút - Thuận An - Vinh Hiền - Lộc Bình - quốc lộ 1A (ưu tiên đoạn Thuận An - Tư Hiền)
4	Đường và cầu Vĩnh Tu (quốc lộ 49B - đường Tây phá)
5	Nâng cấp mở rộng cảng hàng hóa Thuận An
6	Nâng cấp, xây mới tuyến Tây phá Tam Giang - Cầu Hai từ Phong Bình (Phong Điền) - Vinh Hà (Phủ Vang)
7	Nâng cấp, xây mới các tuyến đường ngang nối tỉnh lộ Tây phá - quốc lộ 49B
8	Các tuyến đường ngang nối đường Tây phá - quốc lộ 1A
9	Xây mới đường ven đầm Cầu Hai
10	Nâng cấp, xây mới hệ thống giao thông rẽ nhánh của các xã
II	Thủy lợi
1	Hồ Thủy Yên - Thủy Cam
2	Hệ thống thủy lợi vùng Ninh, Hòa, Đại
3	Hệ thống thủy lợi vùng An, Sơn, Bồn
4	Hệ thống thủy lợi vùng Đa, Hà, Thái
5	Xây mới, nâng cấp hệ thống đê biển, đê đầm phá
6	Hệ thống tưới tiêu vùng hạ du sông Ô Lâu
7	Nâng cấp, kiên cố hóa hệ thống đê bao vùng, đê nội đồng
8	Chống sạt lở bờ sông
9	Nạo vét các sông, hói, đầm phá tiêu úng và thoát lũ

III	Cấp nước
1	Nhà máy nước Thủy Yên - Thủy Cam và hệ thống cấp nước
2	Hệ thống cấp nước sạch cho các xã Đông phá Tam Giang - Cầu Hai (giai đoạn 1)
3	Hệ thống nối mạng cấp nước sinh hoạt các xã
IV	Thủy sản
1	Dự án Cảng cá Tư Hiền, Thuận An (giai đoạn 2)
2	Xây mới các bến neo đậu tàu thuyền, âu thuyền
3	Hạ tầng nuôi trồng thủy sản: hệ thống xử lý nước thải tập trung, kênh cấp - thoát nước, hệ thống đường vào vùng nuôi, trạm bơm.
4	Khu bảo tồn nguồn gen đặc thủy sản, bãi giống tự nhiên
V	Nông nghiệp, nông thôn
1	Dự án phát triển hạ tầng nông thôn (đường liên thôn, vệ sinh môi trường, chợ, hạ tầng các khu tái định cư,...)
2	Trồng rừng
3	Dự án giống cây, con cấp 1
VI	Công nghiệp - TTCN
1	Hạ tầng cụm công nghiệp - làng nghề
2	Dự án xử lý chất thải rắn, nước thải các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và làng nghề
VII	Y tế - Giáo dục - Văn hóa
1	Trung tâm di tích văn hóa, lịch sử cách mạng
2	Hệ thống thiết chế văn hoá cơ sở
3	Chương trình xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia
4	Xây dựng Trung tâm y tế, Phòng khám đa khoa khu vực
5	Xây mới, nâng cấp trạm y tế xã
6	Xây dựng các trung tâm dạy nghề
VIII	Du lịch dịch vụ
1	Hạ tầng đến các điểm, khu du lịch
2	Trung tâm văn hóa - du lịch Vùng
3	Xây dựng các Bến thuyền du lịch đầm phá
IX	Xây dựng
1	Quy hoạch xây dựng
2	Xây dựng hạ tầng các đô thị

X	Công cộng	
1	Dự án định cư dân thủy điện và dân vùng bị ảnh hưởng thiên tai	
XI	Môi trường	
1	Hệ thống quan trắc, cảnh báo thiên tai	
2	Lập kế hoạch phân vùng sử dụng tổng hợp đới bờ tỉnh Thừa Thiên Huế	Thiên Huế
3	Xây dựng và triển khai dự án Quản lý tổng hợp đới bờ - giai đoạn 2	
4	Hệ thống thu gom, xử lý chất thải	
5	Xử lý chất thải y tế	
6	Hệ thống quan trắc, cảnh báo thiên tai	
7	Xây dựng hạ tầng đến các khu bảo tồn ngập nước Ô Lâu, Rú Chá, Bù Lu	Chá, Bù Lu
PHẦN II. NGUỒN VỐN ODA		
I	Nông nghiệp, nông thôn	
1	Dự án hỗ trợ giảm nghèo và phát triển kinh tế - xã hội các huyện Phú Lộc, Phú Vang, Quảng Điền	
2	Dự án phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững	
3	Trồng rừng	
4	Hệ thống thủy lợi vùng cát	
5	Hệ thống cấp nước sinh hoạt các xã	
II	Y tế - Giáo dục - Văn hóa	
1	Tăng cường cơ sở vật chất trường học	
2	Tăng cường cơ sở vật chất y tế cơ sở	
3	Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực về công nghệ thông tin và công nghệ phần mềm	
4	Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý	
III	Môi trường	
1	Xây dựng khu bảo tồn thiên nhiên Duyên hải miền Trung	
2	Bảo tồn đa dạng sinh học vùng đầm phá Tam Giang - Cầu Hai	
3	Xây dựng khu Bảo tồn đất ngập nước	
4	Nâng cao năng lực thích ứng biến đổi khí hậu	
5	Đầu tư phương tiện cứu hộ, cứu nạn, ứng phó sự cố tràn dầu	

PHẦN III. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN KÊU GỌI ĐẦU TƯ	
I	Du lịch - Dịch vụ
1	Xây dựng các khu du lịch ven biển, đầm phá
2	Khu du lịch sinh thái Thuận An - Tân Mỹ - Phú Thuận
3	Các khu du lịch làng nghề, làng cổ
4	Dự án các khu du lịch sinh thái rừng ngập mặn
5	Dự án du lịch sinh thái vùng đầm phá nước lợ Tam Giang - Cầu Hai
6	Kinh doanh vận tải sông, biển, đầm phá
7	Các dự án cung cấp dịch vụ BCVT, Internet
8	Xây mới cảng chuyên dùng Điền Lộ
II	Công nghiệp
1	Khu Công nghiệp Phú Đa
2	Khu Công nghiệp Quảng Vinh
3	Dự án hạ tầng các cụm công nghiệp và làng nghề
4	Các dự án sản xuất chế biến nông, lâm, hải sản
5	Các dự án sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ
6	Các dự án khai thác, chế biến khoáng sản (Ti tan, cát - thủy tinh...)
7	Các nhà máy may
8	Đóng mới và sản xuất tàu thuyền
9	Nhà máy sản xuất các sản phẩm gốm - sứ thủy tinh
III	Nông nghiệp
1	Dự án giống, cây, con
2	Các dự án phát triển sản xuất cây trồng, vật nuôi
3	Phát triển nuôi trồng, khai thác, chế biến thủy sản
IV	Công trình công cộng
1	Dự án xây dựng các khu đô thị mới
2	Chương trình phát triển nhà ở
3	Công trình dân dụng của nhân dân

Ghi chú: về vị trí, quy mô công trình, diện tích chiếm đất, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động các nguồn lực của từng thời kỳ./.